TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 16-11-2021
V/v *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH –TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Dân

2. Ông Nguyễn Nhựt Thảo

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th , sinh năm: 1994 (có đơn xin xét xử mặt)

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Vĩnh H, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Tạm trú: Tổ 12, ấp Vĩnh Ph, xã Vĩnh H, huyện Châu Th, tỉnh An G.

-Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Qu, sinh năm: 1987 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 14, ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 17/5/2021 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

- Về hôn nhân: Giữa bà và ông Qu kết hôn năm 2010, hôn nhân do cha mẹ định đoạt, có tổ chức đám cưới năm 2012 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần

Đ, huyện Châu Th, tỉnh An G số 64 ngày 30/3/2012. Vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc được khoảng năm 2019 thì bắt đầu đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi, không tin tưởng và không tôn trọng nhau. Giữa bà và ông Qu ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, cả hai không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Bà yêu cầu ly hôn với ông Qu vì không còn tình cảm.

- Về con chung: 02 con chung Nguyễn Thị Như Qu,sinh ngày 08/7/2011 và Nguyễn Nhật H sinh ngày 09/7/2016. Hiện nay các con đang sống chung với bà. Khi ly hôn bà yêu cầu tiếp tục nuôi các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

* *Bị đơn ông Nguyễn Văn Qu tại văn bản trình bày ý kiến ngày 23/6/2021*: Về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng, ông thống nhất. Ông không còn tình cảm với bà Th, ông đồng ý ly hôn;

- Về con chung: Có 02 con chung, hiện các con đang do ông trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà Th đi làm ở Bình Dương. Khi ly hôn ông yêu cầu tiếp tục nuôi các con và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đồng ý giao các con chung cho ông Qu chăm sóc nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi các con chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Qu trình bày: Ông đồng ý ly hôn, đồng ý tiếp tục nuôi các con chung và không yêu cầu bà Th phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Ý kiến cháu Nguyễn Thị Như Qu tại phiên tòa: Cháu và em Nhật H đang sống với ba, mẹ đi làm xa. Cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng tiếp tục sống cùng ba Qu và em H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Th có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự;

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ sổ hộ khẩu số 010350219, hồ sơ hộ khẩu 2342/CĐ, văn bản trình bày ý kiến của bị đơn thể hiện bị đơn có nơi cư trú tại ấp Vĩnh H A, xã Cần Đ, huyện Châu Th, tỉnh An G và hiện nay ông đang sinh sống tại địa phương. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 BLTTDS 2015. Ông Qu thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS. Đồng thời, ông Qu có mặt tại phiên tòa khi được Tòa án triệu tập hợp lệ. Riêng đối với nguyên đơn, bà Lê Thị Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có xác nhận của Công ty nơi bà đang làm thuê. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Văn Qu có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cần Đăng huyện Châu Thành, tỉnh An Giang số 64 ngày 30/3/2012 phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, do đó quan hệ hôn nhân giữa ông bà là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Th và ông Qu. Mục đích tạo điều kiện cho ông bà được đoàn tụ; Tuy nhiên, bà Th vẫn giữ yêu cầu ly hôn; Ông Qu có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Th đồng ý ly hôn. Điều này, thể hiện cả hai không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy cả bà Th và ông Qu đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014. Do đó, yêu cầu của bà Th có căn cứ được HĐXX xem xét chấp nhận.

2.2 Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Như Qu,sinh ngày 08/7/2011 và Nguyễn Nhật H sinh ngày 09/7/2016. Khi vợ chồng ly hôn Ông Qu đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi các con. Đồng thời tại phiên tòa cháu Như Qu có nguyện vọng tiếp tục sống chung với ông Qu. Do đó, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, được HĐXX xem xét chấp nhận. Ông Qu phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do ông Qu không yêu cầu.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Lê Thị Th là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo:

Bà Th, ông Qu có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th. Bà Lê Thị Th được ly hôn với ông Nguyễn Văn Qu

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64 ngày 30/3/2012 tại UBND xã Cần Đăng , huyện Châu Th, tỉnh An G không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Ông Nguyễn Văn Qu được tiếp tục nuôi chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung Nguyễn Thị Như Qu,sinh ngày 08/7/2011 và Nguyễn Nhật H sinh ngày 09/7/2016

Ông Qu phải tạo điều kiện thuận lợi cho bà Th việc được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở. Việc nuôi con không cố định. Bà Th không phải cấp dưỡng nuôi các con chung do ông Qu không yêu cầu

Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0002718 ngày 15/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Văn Qu có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/11/2021); Riêng bà Th được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu T, tỉnh An G;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- UBND xã Cần Đ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Ngô Thùy Trang